

DỰ TOÁN CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THU CHI NĂM HỌC 2024 - 2025
(Đính kèm theo Kế hoạch số 244 /KH-ĐTH ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Trường Tiểu học Đình Tiên Hoàng)

STT	NỘI DUNG	Công thức	NĂM HỌC 2024-2025		Ghi chú
			Dự toán	Tỷ lệ(%)	
I	SỐ HỌC SINH	$I=2+...+34$	1,091		Có 20 HS không ở bán trú
1	- Lớp 1/1	2	35		
2	- Lớp 1/2	3	33		
3	- Lớp 1/3	4	34		
4	- Lớp 1/4	5	33		
5	- Lớp 1/5	6	34		
6	- Lớp 1/6	7	35		
7	- Lớp 2/1	8	30		
8	- Lớp 2/2	9	32		
9	- Lớp 2/3	10	32		
10	- Lớp 2/4	11	34		
11	- Lớp 2/5	12	33		
12	- Lớp 2/6	13	35		
13	- Lớp 3/1	14	32		
14	- Lớp 3/2	15	34		
15	- Lớp 3/3	16	33		
16	- Lớp 3/4	17	31		
17	- Lớp 3/5	18	32		
18	- Lớp 3/6	19	33		
19	- Lớp 3/7	20	35		
20	- Lớp 4/1	21	35		
21	- Lớp 4/2	22	34		
22	- Lớp 4/3	23	34		
23	- Lớp 4/4	24	35		
24	- Lớp 4/5	25	34		
25	- Lớp 4/6	26	24		
26	- Lớp 4/7	27	22		
27	- Lớp 5/1	28	28		
28	- Lớp 5/2	29	29		
29	- Lớp 5/3	30	33		
30	- Lớp 5/4	31	34		
31	- Lớp 5/5	32	35		
32	- Lớp 5/6	33	35		
33	- Lớp 5/7	34	23		
34	- Lớp 5/8	35	26		
II	DỰ TOÁN THU CHI				
A	Các khoản thu, mức thu đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục (Phụ lục 1)				
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	$36=1-20hs$	1,071		
	Mức thu	$37=38/36$	350,000		
	Tổng dự toán chi	$38=39+...43$	374,842,200	100%	
	- Chi thanh toán cá nhân	39	277,021,600	73%	
	- Chi trực tiếp cho Bảo mẫu (33 BM x 4.960.000 đ + (1+23,5%))		202,144,800		
	- Chi lương cho NV phục vụ hợp đồng trường (3 NV x 4.960.000 đ x (1+23,5%_BH, KPCĐ))		18,376,800		
	- Chi phụ cấp công tác cho BM (1.500.000 đ x 34NV)		51,000,000		
	- Chi phụ cấp công tác cho BM lớp ghép (1.000.000 đ x 1NV)		1,000,000		
	- Chi phụ cấp PCTNCV cho NVPV (3 NV * 1.500.000đ)		4,500,000		
	- Chi cho bộ phận gián tiếp	40	53,323,600	14%	
	- Chi tiền tổ chức, quản lý, điều hành (9,6%/DT)		35,985,600		
	- Chi lương, PC Kế toán bán trú (5.400.000đ x (1+23,5%_BH, KPCĐ) + 2.500.000đ)		9,169,000		
	- Chi lương, PC NV Y tế (5.400.000đ x (1+23,5%_BH, KPCĐ) + 1.500.000đ)		8,169,000		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	41	37,000,000	10%	

STT	NỘI DUNG	Công thức	NĂM HỌC 2024-2025		Ghi chú
			Dự toán	Tỷ lệ(%)	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn khác (Hỗ trợ các hoạt động chuyên môn)		10,000,000		
	- Chi công cụ, dụng cụ phục vụ cho công tác vệ sinh bán trú		25,000,000		
	+ Mua VPP, hoá đơn điện tử		2,000,000		
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất	42	-	0%	
	- Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2%/DT)	43	7,497,000	2%	
2	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh) đối với lớp đã được trang bị sẵn máy lạnh	44=1	1,091		
	Mức thu Theo hợp đồng với đơn vị cung cấp	45=46/44	39,000		
	Tổng dự toán chi	46=47+...50	42,569,469	100%	
	- Chi thanh toán cá nhân	47	-	0%	
	- Chi cho bộ phận gián tiếp	48	-	0%	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	49=a+b	41,718,489	98%	
	Chi phí sử dụng máy lạnh	a	36,263,489		
	- Số lượng máy sử dụng (2 máy/lớp x 34 lớp)		68		
	- Công suất 1 giờ (Kwh)		1.7		
	- Số giờ sử dụng trong ngày (9g đến 16g)		7		
	- Số ngày bình quân sử dụng trong tháng		22		
	- Đơn giá sử dụng điện bình quân		2,037		
	Chi phí bảo trì máy lạnh (bình quân 5.000 đ/HS/tháng)	b	5,455,000		
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	49	-	0%	
	- Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2%/DT)	50	850,980	2%	
3	- Tiền dịch vụ tiện ích công nghệ thông tin và chuyển đổi số (Số liên lạc điện tử)	51=1	1,091		
	Mức thu Theo đơn vị cung cấp	52	35,000		
	Tổng dự toán chi	53=54+...58	35,000	100%	
	- Chi thanh toán cá nhân	54	9,800	28%	
	Chi cho GV hỗ trợ công tác tổ chức nhập liệu, cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động liên lạc tin nhắn với CMHS hàng ngày (28%)		9,800		
	- Chi cho bộ phận gián tiếp	55	-	0%	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	56	24,500	70%	
	Chi trả thực tế tính trên 01 học sinh (70%) cho đơn vị cung cấp dịch vụ theo HĐ		24,500		
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	57	-	0%	
	- Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2%/DT)	58	700	2%	
B	Các khoản thu, mức thu tổ chức hoạt động giáo dục khác (Phụ lục 2)				
B.1	Các khoản thu tổ chức hoạt động giáo dục khác				
1	Tiền tổ chức dạy tăng cường Tiếng Anh	59=2+...6+8+...12+15+...19+22+...25+30+...33	767		
	Mức thu	60=61/59	100,000		
	Tổng dự toán chi	61=62+...66	76,606,256	100%	
	- Chi thanh toán cá nhân	62	13,680,000	18%	
	+ Chi trực tiếp giảng dạy (4 tiết x 19 lớp x 45.000đ x 4 tuần)		13,680,000		
	- Chi cho bộ phận gián tiếp	63	48,892,256	64%	
	+ Chi tiền tổ chức, quản lý, điều hành (9,6%/DT)		7,363,200		
	+ Chi lương bảo vệ HĐ trường (01 người x 4.960.000 đ x (1+23,5%_BH, KPCĐ))		6,125,600		
	+ Chi lương, PC cho NVPV HĐ thuê káo động của CTY Nhân Kiệt (2 NV x 10.000.000 đ)		20,000,000		
	+ Chi bộ phận hành chính: Phụ trách kế toán (4,89 x (1+9%) x (1+23,5%_BH, KPCĐ)) x MLCS		15,403,456		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	64	10,000,000	13%	
	+ Mua sắm vật tư, đồ dùng dạy học		10,000,000		
	+ Sách nghiệp vụ, sách tham khảo				
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	65	2,500,000	3%	

STT	NỘI DUNG	Công thức	NĂM HỌC 2024-2025		Ghi chú
			Dự toán	Tỷ lệ(%)	
	+ Tiền điện, nước, điện thoại, Internet		2,500,000		
	- Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2%/DT)	66	1,534,000	2%	
2	Tiền tổ chức dạy tin học				
2.1	Tiền tổ chức dạy lớp tin học tự chọn (1 tiết/ tuần)	54=2+...14	400		
	Mức thu	55=56/54	25,000		50.000 đ/2 tiết
	Tổng dự toán chi	56=57+...61	9,820,000	100%	
	- Chi thanh toán cá nhân	57	2,160,000	22%	
	+ Chi PC cho GV trực tiếp giảng dạy (12 tiết/tuần x 4 tuần x 45.000 đ)		2,160,000		
	- Chi cho bộ phận gián tiếp	58	4,460,000	45%	
	+ Chi tiền tổ chức, quản lý, điều hành (9,6%/DT)		960,000		
	+ Chi PC công tác kiêm nhiệm, quản lý phòng máy, các công thông tin, trang web,...		3,500,000		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	59	3,000,000	31%	
	+ Mua sắm vật tư, đồ dùng dạy học		2,000,000		
	+ Sách nghiệp vụ, sách tham khảo		1,000,000		
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	60	-	0%	
	+ Tiền điện, nước, điện thoại, Internet		-		
	+ Sửa chữa, bảo trì phòng vi tính		-		
	- Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2%/DT)	61	200,000	2%	
2.2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn tin học (1 tiết/ tuần)	62=14+21+24+26+28+...31+34+35	299		
	Mức thu	63=64/62	35,000		70.000 đ/2 tiết
	Tổng dự toán chi	64=65+...69	10,418,580	100%	
	- Chi thanh toán cá nhân	65	-	0%	
	- Chi cho bộ phận gián tiếp	66	6,509,280	62%	
	+ Chi tiền tổ chức, quản lý, điều hành (9,6%/DT)		2,009,280		
	+ Chi bộ phận hành chính: PC công tác kiêm nhiệm cho nhân viên hợp đồng (BV, PV, VT, TB,...)		4,500,000		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	67	1,300,000	12%	
	+ Mua sắm vật tư, đồ dùng dạy học		1,300,000		
	+ Sách nghiệp vụ, sách tham khảo		-		
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	68	2,400,000	23%	
	+ Sửa chữa, bảo trì phòng vi tính		2,400,000		
	- Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2%/DT)	69	209,300	2%	
3	Tiền tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và chương trình nhà trường				
3.1	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ (HS chọn CLB để đăng kí) theo mức thu đề nghị				
	Mức thu	70	120,000		
	Tổng dự toán chi	71=72+...76	120,000	100%	
	- Chi thanh toán cá nhân	72	72,000	60%	
	+ Chi cho GV trực tiếp giảng dạy (60%)		72,000		
	- Chi cho bộ phận gián tiếp	73	11,520	10%	
	+ Chi tiền tổ chức, quản lý, điều hành, NV phụ trách công tác (9,6%/DT)		11,520		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	74	22,080	18%	
	+ Mua sắm vật tư, đồ dùng dạy học (18,4%)		22,080		
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động (10%)	75	12,000	10%	
	- Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2%/DT)	76	2,400	2%	
3.2	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống				
	Mức thu Theo hợp đồng (80.000 đ/học sinh/tháng)	77	80,000		
	Tổng dự toán chi	78=79+80+81	80,000	100%	
	Chi trả thực tế tính trên 01 học sinh (85%)	79	68,000	85%	
	Trích hỗ trợ hoạt động GD nhà trường (13%)	80	10,400	13%	
	Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2%/DT)	81	1,600	2%	
3.3	Tiền tổ chức Giáo dục STEM				
	Mức thu Theo hợp đồng (90.000 đ/học sinh/tháng)	82	90,000		
	Tổng dự toán chi	83=84+85+86	90,000	100%	
	Chi trả thực tế tính trên 01 học sinh (85%)	84	76,500	85%	
	Trích hỗ trợ hoạt động GD nhà trường (13%)	85	11,700	13%	
	Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2%/DT)	86	1,800	2%	

STT	NỘI DUNG	Công thức	NĂM HỌC 2024-2025		Ghi chú
			Dự toán	Tỷ lệ(%)	
3.4	- Tổ chức học Tiếng Anh với người nước ngoài	$87=2+...6+8+...12+15+...19+22+...26+30+...33$	691		
	Mức thu Theo hợp đồng với đối tác	88=89	180,000		
	Tổng dự toán chi	89=90+91+92	180,000	100%	
	Chi trả thực tế tính trên 01 học sinh (85%)	90	153,000	85%	
	Trích hỗ trợ hoạt động GD nhà trường (13%)	91	23,400	13%	
	Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2%/DT)	92	3,600	2%	
3.5	- Tổ chức học Tiếng Anh thông qua môn Toán- Khoa học	$93=4+...6+10+...12+17+...19+25+32+33$	400		
	Mức thu Theo hợp đồng với đối tác	94	500,000		
	Tổng dự toán chi	95=96+97+98	500,000	100%	
	Chi trả thực tế tính trên 01 học sinh (85%)	96	425,000	85%	
	Trích hỗ trợ hoạt động GD nhà trường (13%)	97	65,000	13%	
	Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2%/DT)	98	10,000	2%	
B.2	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án				
5	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"	$99=7+13+20+26+27+34+35$	200		
	Mức thu Theo hợp đồng với đối tác (EMG)	100	3,600,000		
	Tổng dự toán chi	101=102+103	3,600,000	100%	
	Chi trả thực tế tính trên 01 học sinh (85%)	102	3,060,000	85%	
	Trích hỗ trợ hoạt động GD nhà trường (15%)	103	540,000	15%	
	(Nộp thuế TNDN 2% trên 15% trích để lại)	104	10,800		
6	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông TP.HCM theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030	$105=15+...20+22+23+25+27+32+33$	322		
	Mức thu (1 tiết/tuần)	95	75,000		
	Tổng dự toán chi	96=97+...101	24,301,400	100%	
	- Chi thanh toán cá nhân	97	16,000,000	66%	
	+ Chi phí sử dụng tài khoản (200hs x 56.000đ)		11,200,000		
	+ Chi Giáo viên trực tiếp giảng dạy (12 lớp x 400.000đ)		4,800,000		
	- Chi cho bộ phận gián tiếp	98	2,318,400	10%	
	+ Chi tiền tổ chức, quản lý, điều hành (9,6%/DT)		2,318,400		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	99	2,500,000	10%	
	+ Mua sắm vật tư, đồ dùng dạy học		1,500,000		
	+ Sách nghiệp vụ, sách tham khảo		1,000,000		
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	100	3,000,000	12%	
	+ Tiền điện, nước, điện thoại, Internet		1,000,000		
	+ Sửa chữa, bảo trì phòng vi tính		1,000,000		
	+ Sửa chữa, bảo trì hệ thống điện		1,000,000		
	- Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2%/DT)	101	483,000	2%	
B.3	Các khoản thu cho cá nhân học sinh				
7	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	102=1-20hs	1,071		Trừ 20 hs không ở BT
	Mức thu	103	150,000		
	Tổng dự toán chi	104=105+...109	160,650,000	100%	
	- Chi thanh toán cá nhân	105	-	0%	
	- Chi cho bộ phận gián tiếp	106	-	0%	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	107	157,437,000	98%	
	- Chi công cụ, dụng cụ, vật dụng phục vụ cho công tác bán trú		157,437,000		
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	108	-	0%	
	- Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2%/DT)	109	3,213,000	2%	
8	Tiền học phẩm- học cụ- học liệu	110=1	1,091		
	Mức thu Theo đơn vị cung cấp	111	15,000		

STT	NỘI DUNG	Công thức	NĂM HỌC 2024-2025		Ghi chú
			Dự toán	Tỷ lệ(%)	
	- Tiền Phù hiệu		15.000đ/6 cái		6 cái/hs/năm học
	Tổng dự toán chi	112	17,280,000		
	- Tiền Phù hiệu (1.091 hs x 15.000 đ/6 cái)		17,280,000		
9	- Tiền suất ăn trưa bán trú	113=1-20hs	1,071		Trừ 20 hs không ở BT
	Mức thu Theo hợp đồng với đơn vị cung cấp	114	37.000-40.000		
	Tổng dự toán chi	115	37.000-40.000		
10	- Tiền Nước uống	116=1	1,091		
	Mức thu Theo hợp đồng với đơn vị cung cấp nước Ion life	117=118+...122	23,000		
	Tổng dự toán chi	118	25,272,000	100%	
	- Chi thanh toán cá nhân	119	-	0%	
	- Chi cho bộ phận gián tiếp	120	-	0%	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	121	25,272,000	100%	
	Chi tiền nước uống cho học sinh (650 bình x 38.880 đ)		25,272,000		
	- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	122	-	0%	

NGƯỜI LẬP BẢNG

Quận 1, ngày 10 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Đã kí)

Tô Quốc Liệt

Trần Thị Thu Hương